

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN SÀI GÒN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 25

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 từ trang 5 đến trang 25 kèm theo.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Ngọc Cơ	Chủ tịch
Ông Trương Thanh Châu	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Ngọc Lan	Thành viên
Bà Bùi Thị Liễu	Thành viên
Bà Võ Ngọc Xuân	Thành viên
Ông Trần Huy Thăng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tân	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Hoàng Anh Phi	Giám đốc
Bà Nguyễn Ngọc Lan	Phó Giám đốc
Ông Trương Thanh Châu	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty là ông Võ Thanh Bình

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 kèm theo.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 kèm theo được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn này. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### **CAM KẾT KHÁC**

Ban Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

---

**Nguyễn Hoàng Anh Phi**  
**Giám đốc**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2012*

Số: /2012/UHYHCM-BCSX

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**  
*Về Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012*  
*của Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn*

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 của Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2012 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012. Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 08 tháng 08 năm 2012, trình bày từ trang 5 đến trang 25 kèm theo.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn tại ngày 30/06/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.

---

**Phan Thanh Điền**  
**Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1496/KTV

---

**Tô Thị Thanh Nga**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1183/KTV

***Thay mặt và đại diện cho***  
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
**TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2012**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30/06/2012

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Tại 30/06/2012 VND</b>	<b>Tại 01/01/2012 VND</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>36.779.462.334</b>	<b>34.036.075.930</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>28.845.717.650</b>	<b>25.422.583.840</b>
Tiền	111		3.545.717.650	4.922.583.840
Các khoản tương đương tiền	112		25.300.000.000	20.500.000.000
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>47.986.440</b>	<b>3.037.500.000</b>
Đầu tư ngắn hạn	121		136.595.000	3.136.595.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(88.608.560)	(99.095.000)
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>7.432.253.704</b>	<b>4.845.529.187</b>
Phải thu khách hàng	131		5.172.524.421	1.976.422.152
Trả trước cho người bán	132		2.072.763.694	2.334.495.925
Các khoản phải thu khác	135	6	892.354.076	1.239.999.597
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(705.388.487)	(705.388.487)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>383.504.540</b>	<b>648.960.932</b>
Hàng tồn kho	141	7	383.504.540	648.960.932
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>70.000.000</b>	<b>81.501.971</b>
Tài sản ngắn hạn khác	158		70.000.000	81.501.971
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>12.184.733.449</b>	<b>11.608.432.241</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>7.571.629.599</b>	<b>7.981.720.781</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	7.072.113.655	7.527.659.382
- Nguyên giá	222		33.852.387.406	33.276.893.308
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.780.273.751)	(25.749.233.926)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		499.515.944	454.061.399
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>8</b>	<b>4.038.710.400</b>	<b>3.189.615.200</b>
Đầu tư dài hạn khác	258		4.154.900.000	4.154.900.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(116.189.600)	(965.284.800)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>574.393.450</b>	<b>437.096.260</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		274.393.450	137.096.260
Tài sản dài hạn khác	268	9	300.000.000	300.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>48.964.195.783</b>	<b>45.644.508.171</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
*Tại ngày 30/06/2012*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2012	Tại 01/01/2012
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>8.029.846.708</b>	<b>4.016.051.309</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.654.942.708</b>	<b>3.641.147.309</b>
Phải trả người bán	312		295.884.046	274.129.228
Người mua trả tiền trước	313		2.284.116.339	19.086.592
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	2.415.004.424	2.400.140.575
Phải trả người lao động	315		416.848.128	514.924.661
Chi phí phải trả	316	12	1.467.256.980	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	559.283.549	416.838.081
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		216.549.242	16.028.172
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>374.904.000</b>	<b>374.904.000</b>
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn khác	333	14	374.904.000	374.904.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>40.934.349.075</b>	<b>41.628.456.862</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>40.934.349.075</b>	<b>41.628.456.862</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		17.662.969.959	17.662.969.959
Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.868.174.955	1.868.174.955
Quỹ đầu tư phát triển	417		1.537.067.072	1.537.067.072
Quỹ dự phòng tài chính	418		1.766.296.996	1.766.296.996
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		18.099.840.093	18.793.947.880
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>48.964.195.783</b>	<b>45.644.508.171</b>

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2012*

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Võ Thanh Bình**

**Nguyễn Hoàng Anh Phi**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
			đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
			VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>16</b>	<b>13.132.353.507</b>	<b>12.533.305.178</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	16	41.286.752	53.706.974
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>16</b>	<b>13.091.066.755</b>	<b>12.479.598.204</b>
Giá vốn hàng bán	11	17	6.252.197.764	6.280.950.984
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>6.838.868.991</b>	<b>6.198.647.220</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	1.347.480.204	1.156.797.979
Chi phí tài chính	22	19	(855.714.792)	625.769.392
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.980.906.372	1.308.580.061
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>6.061.157.615</b>	<b>5.421.095.746</b>
Thu nhập khác	31		53.437.560	77.097.490
Chi phí khác	32		120.000.000	-
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(66.562.440)</b>	<b>77.097.490</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>5.994.595.175</b>	<b>5.498.193.236</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành (*)	51		1.530.319.848	1.374.548.309
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>4.464.275.327</b>	<b>4.123.644.927</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	2.282	1.871

(\*): Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012 là số liệu tạm tính. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được quyết toán chính thức vào cuối năm tài chính 2012.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2012

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Võ Thanh Bình**

**Nguyễn Hoàng Anh Phi**



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
			đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1</b>		<b>5.994.595.175</b>	<b>5.498.193.236</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ	2		1.031.039.825	1.115.760.851
Các khoản dự phòng	3		(859.581.640)	(604.967.400)
Lãi hoạt động đầu tư	5		(1.338.589.517)	(1.156.797.979)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>8</b>		<b>4.827.463.843</b>	<b>4.852.188.708</b>
Tăng giảm các khoản phải thu	9		(3.294.335.578)	(1.345.355.124)
Tăng giảm hàng tồn kho	10		265.456.392	(90.420.526)
Tăng giảm các khoản phải trả	11		3.811.818.689	1.072.424.359
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(137.297.190)	26.949.718
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.528.864.208)	(843.679.919)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		2.188.199.480	502.673.937
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(368.550.000)	(1.954.476.632)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>5.763.891.428</b>	<b>2.220.304.521</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(155.967.135)	(54.631.908)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		-	185.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23		-	(7.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		-	17.930.919.810
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(3.000.000.000)
Tiền thu lãi vay cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.338.589.517	1.156.797.979
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>1.182.622.382</b>	<b>8.718.085.881</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.523.380.000)	(3.524.400.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(3.523.380.000)</b>	<b>(3.524.400.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>3.423.133.810</b>	<b>7.413.990.402</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>25.422.583.840</b>	<b>10.521.835.994</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>28.845.717.650</b>	<b>17.935.826.396</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2012

Kế toán trưởng

Giám đốc

Võ Thanh Bình

Nguyễn Hoàng Anh Phi

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0300850255 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/04/1994 (đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 28/12/2010) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 12/07/2001, Công ty đã chính thức niêm yết 1.766.300 cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) với mã cổ phiếu là: SGH. Ngày 30/07/2009, Công ty đã chuyển giao dịch từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sang Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty có trụ sở chính tại số 41-47 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

**1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Kinh doanh phòng nghỉ, văn phòng cho thuê;
- Kinh doanh ăn uống và vũ trường;
- Thu đổi ngoại tệ cho khách;
- Dịch vụ du lịch, lữ hành trong cả nước, và quốc tế;
- Dịch vụ vui chơi giải trí, bán hàng lưu niệm, mua bán sách, dịch vụ phòng họp cho khách tại khách sạn;
- Vận chuyển khách du lịch; dịch vụ vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Kinh doanh Karaoke;
- Dịch vụ xoa bóp, xông hơi;
- Mua bán rượu, thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Dịch vụ giặt, ủi, hấp;
- Mua bán sách (có nội dung được phép lưu hành);
- Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế.

**2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian không quá 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.4 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**3.5 LẬP DỰ PHÒNG**

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

**3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)**

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

<b>Loại tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	5 - 10
Phụ tùng tiện vận tải truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10

**3.7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Các khoản đầu tư bao gồm tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng, các khoản đầu tư mua cổ phiếu và góp vốn vào các Công ty khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% nhằm thu lợi nhuận. Các khoản đầu tư dài hạn được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập khi Ban Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính chất tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập.

**3.8 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

***Ghi nhận ban đầu***

***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**3.9 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.9 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán (hoặc kỳ kế toán).

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ. Công ty chưa ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính là lãi dự thu của các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn chưa đáo hạn đến ngày 30/06/2012 với số tiền là 344.858.333 đồng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**3.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25% tính trên thu nhập chịu thuế. Theo Nghị Quyết số 29/2012/QH13 ngày 21/06/2012 do Quốc hội ban hành, Công ty là doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa, nên được giảm 30% thuế thu nhập trong năm 2012.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.11 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: hoạt động kinh doanh phòng nghỉ, kinh doanh ăn uống và các dịch vụ khác.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Tại 30/06/2012</b>	<b>Tại 01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	192.448.500	41.200.620
Tiền gửi ngân hàng	3.332.884.288	4.877.637.900
Tiền đang chuyển	20.384.862	3.745.320
Các khoản tương đương tiền (*)	25.300.000.000	20.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>28.845.717.650</b>	<b>25.422.583.840</b>

(\*): Là tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống tại các Ngân hàng thương mại.

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<b>Tại 30/06/2012</b>		<b>Tại 01/01/2012</b>	
	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>
	<b>CP</b>	<b>VND</b>	<b>CP</b>	<b>VND</b>
<b>Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn</b>		<b>136.595.000</b>		<b>136.595.000</b>
- Công ty CP XNK Khánh Hội	3.240	65.446.000	3.240	65.446.000
	1.450	42.690.000	1.450	42.690.000
- Công ty CP Gạch men Thanh Thanh				
- Công ty CP Bao bì dầu thực vật	1.052	28.459.000	1.052	28.459.000
<b>Đầu tư ngắn hạn khác</b>		<b>-</b>		<b>3.000.000.000</b>
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín				3.000.000.000
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</b>		<b>(88.608.560)</b>		<b>(99.095.000)</b>
<b>Cộng</b>		<b>47.986.440</b>		<b>3.037.500.000</b>

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>Tại 30/06/2012</b>	<b>Tại 01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu ông Lê Thành Chơn tiền tài sản tổ giặt (*)	657.484.745	657.484.745
Phải thu ông Lê Chí Khâm tiền phạt thuế (*)	47.903.742	47.903.742
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	1.036.757	-
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	-	454.611.110
Ứng trước phí tư vấn xin cấp phép xây dựng	160.000.000	-
Phải thu khác	25.928.832	80.000.000
<b>Cộng</b>	<b>892.354.076</b>	<b>1.239.999.597</b>

(\*) Là các khoản phải thu khó đòi, đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi 100% số dư gốc.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**7. HÀNG TỒN KHO**

	<b>Tại 30/06/2012</b>	<b>Tại 01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	202.911.029	202.522.714
Công cụ, dụng cụ	129.712.920	382.906.860
Hàng hoá	50.880.591	63.531.358
<b>Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho</b>	<b>383.504.540</b>	<b>648.960.932</b>

**8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<b>Tại 30/06/2012</b>		<b>Tại 01/01/2012</b>	
	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>
	<b>CP</b>	<b>VND</b>	<b>CP</b>	<b>VND</b>
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>4.154.900.000</b>		<b>4.154.900.000</b>
- Đầu tư cổ phiếu		4.154.900.000		4.154.900.000
+				
<i>Ngân hàng TMCP Phương Đông</i>	326.672	2.794.900.000	326.672	2.794.900.000
<i>Trường Đại học Hoa Sen</i>	195.400	1.360.000.000	195.400	1.360.000.000
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn</b>		<b>(116.189.600)</b>		<b>(965.284.800)</b>
<b>Cộng</b>		<b>4.038.710.400</b>		<b>3.189.615.200</b>

**9. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

	<b>Tại 30/06/2012</b>	<b>Tại 01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ký quỹ cung cấp dịch vụ lữ hành	300.000.000	300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>300.000.000</b>	<b>300.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2012	27.406.335.462	2.950.486.670	2.035.662.869	884.408.307	33.276.893.308
- Mua trong kỳ	552.466.825	23.027.273	-	-	575.494.098
Tại ngày 30/06/2012	<u>27.958.802.287</u>	<u>2.973.513.943</u>	<u>2.035.662.869</u>	<u>884.408.307</u>	<u>33.852.387.406</u>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2012	21.354.218.800	2.460.565.570	1.191.240.819	743.208.737	25.749.233.926
- Khấu hao trong kỳ	824.503.192	100.648.559	69.017.909	36.870.165	1.031.039.825
Tại ngày 30/06/2012	<u>22.178.721.992</u>	<u>2.561.214.129</u>	<u>1.260.258.728</u>	<u>780.078.902</u>	<u>26.780.273.751</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2012	<u>6.052.116.662</u>	<u>489.921.100</u>	<u>844.422.050</u>	<u>141.199.570</u>	<u>7.527.659.382</u>
Tại ngày 30/06/2012	<u>5.780.080.295</u>	<u>412.299.814</u>	<u>775.404.141</u>	<u>104.329.405</u>	<u>7.072.113.655</u>

\* Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 12.880.488.323VND



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>Tại 30/06/2012</b>	<b>Tại 01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế GTGT	162.494.226	223.112.357
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	6.557.134	12.089.794
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.112.655.514	2.111.199.874
Thuế thu nhập cá nhân	133.297.550	53.738.550
<b>Cộng</b>	<b>2.415.004.424</b>	<b>2.400.140.575</b>

**12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Là khoản tạm tính tiền thuế đất 6 tháng đầu năm 2012.

**13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>Tại 30/06/2012</b>	<b>Tại 01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bảo hiểm y tế	-	59.087.094
Kinh phí công đoàn	78.967.794	-
Thuế VAT phục vụ công trình khách sạn	125.355.987	125.355.987
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	200.000.000	200.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	154.959.768	32.395.000
<b>Cộng</b>	<b>559.283.549</b>	<b>416.838.081</b>

**14. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	<b>Tại 30/06/2012</b>	<b>Tại 01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhận đặt cọc thuê mặt bằng - Zen bar	374.904.000	374.904.000
<b>Cộng</b>	<b>374.904.000</b>	<b>374.904.000</b>

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**15.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Vốn điều lệ của Công ty đăng ký theo Giấy chứng nhận kinh doanh là: 18.000.000.000 đồng (Mười tám tỷ đồng), chia thành 1.800.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần, trong đó:

- Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn nắm giữ 720.000 cổ phần tương ứng với 7.200.000.000 đồng, chiếm 40% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 1.080.000 cổ phần tương ứng với 10.800.000.000 đồng, chiếm 60% vốn điều lệ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**15.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

Tình hình góp vốn của các cổ đông tại ngày 30/06/2012 như sau:

Chủ sở hữu	Theo đăng ký kinh doanh		Đã góp đến 30/06/2012 VND	Vốn góp thiếu 30/06/2012 VND
	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ %		
Vốn Nhà nước	7.200.000.000	40%	6.862.969.959	337.030.041
Cổ đông khác	10.800.000.000	60%	10.800.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>18.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>17.662.969.959</b>	<b>337.030.041</b>

**15.2 CỔ PHIẾU**

	Tại 30/06/2012 Cổ phiếu	Tại 01/01/2012 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	1.800.000	1.800.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	1.766.300	1.766.300
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	1.766.300	1.766.300
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.766.300	1.766.300
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	1.766.300	1.766.300
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

**15.3 CÁC QUỸ**

	Tại 30/06/2012 VND	Tại 01/01/2012 VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.537.067.072	1.537.067.072
Quỹ dự phòng tài chính	1.766.296.996	1.766.296.996

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**15.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2011</b>	<b>17.662.969.959</b>	<b>1.868.174.955</b>	<b>1.537.067.072</b>	<b>1.766.296.996</b>	<b>13.636.112.679</b>	<b>36.470.621.661</b>
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	10.501.527.712	10.501.527.712
- Trích lập quỹ KT, PL từ LN 2010	-	-	-	-	(743.675.500)	(743.675.500)
- Chia cổ tức 2010	-	-	-	-	(3.532.600.000)	(3.532.600.000)
- Lợi nhuận từ phí phục vụ phải trả CNV	-	-	-	-	(965.417.011)	(965.417.011)
- Tạm trích thù lao HĐQT từ LN 2010	-	-	-	-	(102.000.000)	(102.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>17.662.969.959</b>	<b>1.868.174.955</b>	<b>1.537.067.072</b>	<b>1.766.296.996</b>	<b>18.793.947.880</b>	<b>41.628.456.862</b>
<b>Tại ngày 01/01/2012</b>	<b>17.662.969.959</b>	<b>1.868.174.955</b>	<b>1.537.067.072</b>	<b>1.766.296.996</b>	<b>18.793.947.880</b>	<b>41.628.456.862</b>
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	4.464.275.327	4.464.275.327
- Trích lập quỹ KT, PL từ LN 2011	-	-	-	-	(953.611.070)	(953.611.070)
- Chia cổ tức 2011	-	-	-	-	(3.532.600.000)	(3.532.600.000)
- Lợi nhuận từ phí phục vụ phải trả CNV	-	-	-	-	(433.769.276)	(433.769.276)
- Tạm trích thù lao HĐQT từ LN 2011	-	-	-	-	(238.402.768)	(238.402.768)
<b>Tại ngày 30/06/2012</b>	<b>17.662.969.959</b>	<b>1.868.174.955</b>	<b>1.537.067.072</b>	<b>1.766.296.996</b>	<b>18.099.840.093</b>	<b>40.934.349.075</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**16. DOANH THU**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>13.132.353.507</b>	<b>12.533.305.178</b>
Trong đó:		
+ Doanh thu phòng ngủ	8.285.858.044	7.668.457.145
+ Doanh thu ăn uống	2.445.499.079	2.661.852.606
+ Doanh thu dịch vụ khác	1.828.703.381	1.654.617.695
+ Doanh thu phí dịch vụ	572.293.003	548.377.732
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>41.286.752</b>	<b>53.706.974</b>
Trong đó:		
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt	41.286.752	53.706.974
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>13.091.066.755</b>	<b>12.479.598.204</b>
Trong đó:		
+ Doanh thu phòng ngủ	8.285.858.044	7.668.457.145
+ Doanh thu ăn uống	2.445.499.079	2.661.852.606
+ Doanh thu dịch vụ khác	1.787.416.629	1.600.910.721
+ Doanh thu phí dịch vụ	572.293.003	548.377.732

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Giá vốn phòng ngủ	2.341.956.064	2.338.946.988
Giá vốn ăn uống	1.720.851.627	1.811.156.579
Giá vốn dịch vụ khác	2.189.390.073	2.130.847.417
<b>Cộng</b>	<b>6.252.197.764</b>	<b>6.280.950.984</b>

**18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.260.429.517	1.142.633.787
Cổ tức, lợi nhuận được chia	78.160.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.890.687	14.164.192
<b>Cộng</b>	<b>1.347.480.204</b>	<b>1.156.797.979</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.866.848	20.801.992
Hoàn nhập dự phòng đầu tư chứng khoán	(859.581.640)	-
Trích lập dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	604.967.400
<b>Cộng</b>	<b>(855.714.792)</b>	<b>625.769.392</b>

**20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>4.464.275.327</b>	<b>4.123.644.927</b>
Số điều chỉnh giảm	(433.769.276)	(409.305.264)
<i>Phí phục vụ phải trả CNV</i>	(433.769.276)	(409.305.264)
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông</b>	<b>4.030.506.051</b>	<b>3.305.034.399</b>
Số cổ phiếu bình quân trong kỳ	1.766.300	1.766.300
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.282</b>	<b>1.871</b>

**21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.223.465.241	974.486.353
Chi phí nhân công	3.155.757.022	3.085.621.697
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.031.039.825	1.115.760.851
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.070.000	3.600.000
Chi phí khác bằng tiền	3.812.772.048	2.410.062.144
<b>Cộng</b>	<b>9.233.104.136</b>	<b>7.589.531.045</b>

**22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.8.

**CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

***Quản lý rủi ro tỷ giá***

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2012	01/01/2012	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	-	-	566.564.275	424.611.925

***Rủi ro về giá***

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**RỦI RO TÍN DỤNG**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã tiến hành lập dự phòng rủi ro với các khách hàng có khả năng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng và có thể gây ra các tổn thất tài chính cho Công ty.

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

<b>Tại 30/06/2012</b>	<b>Từ 1 năm trở xuống VND</b>	<b>Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND</b>	<b>Trên 5 năm VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	295.884.046	-	-	295.884.046
Người mua trả tiền trước	2.284.116.339	-	-	2.284.116.339
Chi phí phải trả	1.467.256.980	-	-	1.467.256.980
Các khoản phải trả khác	559.283.549	-	-	559.283.549
Công nợ tài chính khác	-	374.904.000	-	374.904.000
<b>Cộng</b>	<b>4.606.540.914</b>	<b>374.904.000</b>	<b>-</b>	<b>4.981.444.914</b>

<b>Tại 01/01/2012</b>	<b>Từ 1 năm trở xuống VND</b>	<b>Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND</b>	<b>Trên 5 năm VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	274.129.228	-	-	274.129.228
Người mua trả tiền trước	19.086.592	-	-	19.086.592
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	416.838.081	-	-	416.838.081
Công nợ tài chính khác	-	374.904.000	-	374.904.000
<b>Cộng</b>	<b>710.053.901</b>	<b>374.904.000</b>	<b>-</b>	<b>1.084.957.901</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 30/06/2012	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.845.717.650	-	-	28.845.717.650
Đầu tư ngắn hạn	136.595.000	-	-	136.595.000
Phải thu khách hàng	5.172.524.421	-	-	5.172.524.421
Trả trước cho người bán	2.072.763.694	-	-	2.072.763.694
Các khoản phải thu khác	892.354.076	-	-	892.354.076
Đầu tư dài hạn	-	4.154.900.000	-	4.154.900.000
Tài sản tài chính khác	70.000.000	300.000.000	-	370.000.000
<b>Cộng</b>	<b>37.189.954.841</b>	<b>4.454.900.000</b>	-	<b>41.644.854.841</b>
<b>Tại 01/01/2012</b>				
	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.422.583.840	-	-	25.422.583.840
Đầu tư ngắn hạn	3.136.595.000	-	-	3.136.595.000
Phải thu khách hàng	1.976.422.152	-	-	1.976.422.152
Trả trước cho người bán	2.334.495.925	-	-	2.334.495.925
Các khoản phải thu khác	1.239.999.597	-	-	1.239.999.597
Đầu tư dài hạn	-	4.154.900.000	-	4.154.900.000
Tài sản tài chính khác	81.501.971	300.000.000	-	381.501.971
<b>Cộng</b>	<b>34.191.598.485</b>	<b>4.454.900.000</b>	-	<b>38.646.498.485</b>

**23. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực kinh doanh bao gồm: Kinh doanh phòng nghỉ, Kinh doanh ăn uống và dịch vụ khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Báo cáo chính yếu, báo cáo bộ phận thứ yếu trình bày theo khu vực địa lý. Công ty chỉ phát sinh doanh thu tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty không theo dõi tài sản và nợ phải trả theo từng bộ phận



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**23. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Kinh doanh phòng nghỉ VND</b>	<b>Kinh doanh ăn uống VND</b>	<b>Dịch vụ khác và phí phục vụ VND</b>	<b>Cộng VND</b>
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	8.285.858.044	2.445.499.079	2.359.709.632	13.091.066.755
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>8.285.858.044</b>	<b>2.445.499.079</b>	<b>2.359.709.632</b>	<b>13.091.066.755</b>
Chi phí bộ phận	2.341.956.064	1.720.851.627	228.829.187	4.291.636.878
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>5.943.901.980</b>	<b>724.647.452</b>	<b>2.130.880.445</b>	<b>8.799.429.877</b>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	(3.910.427.433)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>				<b>4.889.002.444</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	1.347.480.204
Chi phí tài chính	-	-	-	855.714.792
Thu nhập khác	-	-	-	53.437.560
Chi phí khác	-	-	-	(120.000.000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	(1.035.376.156)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.990.258.844</b>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	814.040.567	167.404.801	49.594.457	1.031.039.825
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**24. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**24.1 THU NHẬP CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND</b>	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND</b>
<b>Tổng thu nhập của Ban giám đốc</b>	<b>470.250.000</b>	<b>435.750.000</b>
- Lương và phụ cấp	297.000.000	297.000.000
- Tiền thưởng	173.250.000	138.750.000
- Các khoản phúc lợi khác	-	-

**24.2 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 của Công ty đã được soát xét.

*TP.Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2012*

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**

**Võ Thanh Bình**

**Nguyễn Hoàng Anh Phi**